

Bản án số: 508/2022/HS-PT

Ngày: 12/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm

 ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 451/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 01/01/1975; nơi cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: Buôn bán; Họ và tên cha: Nguyễn Q (chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị Đ; sinh năm: 1945; chồng: Nguyễn Văn T; sinh năm: 1965; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: 01 tiền án. Ngày 07/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, bị cáo chưa thi hành xong phần dân sự trong vụ án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 19/9/2021 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T có mối quan hệ vay tiền trả góp với bà S. Thỉnh thoảng T đến nhà bà S chơi và chở bà S đi thu tiền góp hụi ở chợ rồi chở về nhà. Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, T điều khiển xe 75F1- 353.53 (mượn của chị Tôn Nữ Kim C (tức T). Đến nơi thấy bà S đang ngủ, bên cạnh có 01 túi ni lông màu trắng. Thấy vậy, T đi đến chỗ bà S nằm lén lút lấy túi ni lông nói trên rồi đem về nhà. Về đến nhà, T mở túi ni lông ra kiểm tra thì thấy bên trong có 1 túi xách màu đen. Trong túi xách màu đen có 121.500.000 đồng, 17 miếng vàng SJC, 02 lắc vàng, 02 dây chuyền vàng, 02 mặt tượng vàng, 01 hóa đơn của tiệm vàng P và một sổ sách, giấy tờ của bà S. T giấu 02 miếng vàng SJC vào 02 hộp đựng bút để trên kệ bán tạp hóa; sổ vàng còn lại và hóa đơn của tiệm vàng P, T gói vào túi ni lông dán băng keo lại, bỏ vào thùng số tiền trộm được, T đưa cho con gái là Nguyễn Thị Thanh T và con rể là Huỳnh Thành H 50.000.000 đồng nhờ H đi trả nợ giúp mình số tiền 7.400.000 đồng, số tiền còn lại 71.500.000 đồng, T dùng để trả nợ 68.500.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng, T sử dụng cá nhân.

Ngày 17/9/2021, chị T phát hiện trong hộp đựng bút để ở khu vực kệ sắt bán hàng tạp hóa của gia đình 01 miếng vàng SJC nên đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 18/9/2021, chị T tự nguyện giao nộp 32.600.000 đồng là số tiền còn lại trong tổng số tiền T đưa cho chị T và anh H nhờ trả nợ.

Ngày 18/9/2021, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T tại số 57 đường P thu giữ thêm 01 miếng vàng SJC.

Ngày 19/9/2021, từ lời khai của bị can, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra và tạm giữ từ bà Trần Thị G: 15 miếng vàng SJC, 02 lắc vàng, 02 dây chuyền vàng, 02 mặt tượng vàng, 01 hóa đơn của tiệm vàng P.

Ngày 30/9/2021, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định trưng cầu giám định 129/QĐ-CSHS trưng cầu giám định số vàng đã thu được nêu trên. Tại bản kết luận giám định các nội dung theo quyết định trưng cầu giám định số 129/QĐ-CSHS ngày 30/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

+ 17 miếng SJC kim loại màu vàng có khối lượng mỗi miếng là 10 chỉ, chất lượng 99,99%;

- + Mẫu 01 dây chuyền kim loại màu vàng, có khối lượng 9,97 chỉ, chất lượng 96%;
- + Mẫu 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng, có khối lượng 10 chỉ, chất lượng 96%;
- + Mẫu 01 lắc đeo tay kim loại màu vàng, có khối lượng 10 chỉ, chất lượng 96%;
- + Mẫu 01 dây chuyền kim loại màu vàng, có khối lượng 2,3 chỉ, chất lượng 0% vàng;
- + Mẫu 01 tượng có đính nhiều hạt trắng kim loại màu vàng, có khối lượng 1,5 chỉ, chất lượng 0%, hạt không có giá trị;
- + Mẫu 01 tượng kim loại màu vàng, đính hạt đá hình tượng phật có khối lượng 02 chỉ, chất lượng 96%, hạt đá đã qua sử dụng không có giá trị.

Ngày 01/11/2021, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra yêu cầu Định giá tài sản số: 248/CSHS trưng cầu định giá số vàng trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 4008/KL-HĐĐG ngày 19/11/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế xác định giá trị số vàng bị chiếm đoạt nêu trên là: 1.143.728.800 đồng.

Giá trị tài sản bà S bị chiếm đoạt có căn cứ xác định là: (tiền 121.500.000 đồng + vàng 1.143.728.800đ) tổng cộng 1.265.228.800 đồng;

Về dân sự: Bà S đã được trả lại 17 miếng SJC, 02 dây chuyền, 02 lắc đeo tay, 02 mặt tượng vàng, số tiền 111.100.000đ, hóa đơn của tiệm vàng P. Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là 34.900.000 đồng và 05 chỉ vàng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh đã Thừa Thiên Huế quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/9/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2022, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trong đơn; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; bị cáo kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra là đầy đủ, toàn diện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh: do có sự quen biết và thường hay đến nhà chơi, nên vào lúc 15h15’ ngày 16/9/2021 bị cáo T đến nhà bà Trương Thị S tại tổ 8, khu vực 4, phường H, thành phố H, thấy bà S đang ngủ để túi ni lông bên cạnh, bị cáo biết bên trong có tiền, vàng; nên bị cáo đã lấy mang về nhà cất giấu và tiêu thụ. Theo kết luận định giá tài sản số 4.008/KL-HĐĐG ngày 19/11/2021, thì tổng số vàng có giá trị 1.143.728.800đ; tổng số tiền vàng bị cáo chiếm đoạt của bà S là 1.265.228.800đ. Với hành vi và hậu quả như trên bị cáo T bị truy tố, xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên*”, có khung hình phạt từ 12 đến 20 năm tù; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 08 năm tù, là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị T; Hội đồng xét xử xét thấy: sau khi phạm tội, tài sản đã được cơ quan điều tra thu hồi hầu hết trả lại cho người bị hại; số tiền còn lại 10.400.000đ bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS và áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt cho bị cáo là đã xem xét chiều cố. Bị cáo kháng cáo, không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới; hơn nữa bị cáo chưa được xoá án tích của Bản án số 48/2016/HSPT ngày 17/5/2016 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” do TAND thành phố Huế xử phạt 18 tháng tù; nên không có cơ sở giảm án cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T không được chấp nhận; nên bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T **08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 19/9/2021).

2/ Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (12/12/2022).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- TTG Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (02);
- Bị cáo; - UBND phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường